TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 338/2024/DS-PT Ngày: 24/6/2024 V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Huỳnh Văn Ngoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Bạch -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 274/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Ánh L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2024)

Bị đơn:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1959;
2. Lê Thị Kim T, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo*: Bị đơn Phạm Văn H.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Ánh L trình bày: Qua quen biết ngày 03/3/2023 (nhằm ngày 12/02/2023 âm lịch) chị có cho ông H, bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng khi vay có làm hợp đồng mượn tiền thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Sau khi vay đến ngày trả tiền phía ông H, bà T không thực hiện đúng như thỏa thuận.

Nay chị yêu cầu vợ chồng ông H, bà T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn nợ là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/02/2023 âm lịch trước do nhuần hai tháng 02) đến ngày Tòa án xét xử. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ chứng minh: Hợp đồng mượn tiền ngày 12/02/2023 (âm lịch).

Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông xác định còn nợ chị L số tiền 1.000.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng xin trả trong vòng 02 năm sau khi bán được đất và đòi lại tiền từ những người mắc nợ khác. Riêng về phần tiền lãi ông xin không trả lãi vì không có khả năng với lại ông cũng đã trả lãi cho chị L nhiều rồi.

Bị đơn bà Lê Thị Kim T không trình bày ý kiến của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 35, 147, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ánh L.

Buộc ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Kim T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trương Ánh L số tiền vay vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 1.204.444.400 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/3/2024, bị đơn ông Phạm Văn H có đơn kháng cáo với nội dung; Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn kháng cáo yêu cầu trả dần tiền vốn 1.000.000.000 đồng và còn tiền lãi 204.444.440 đồng xin miễn trả vì không có khả năng. Anh V không chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông H. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn H: Ông H xin trả dần tiền vốn và xin miễn tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn H lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H trong thời hạn quy định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Trương Ánh Linh k yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Kim T trả số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 03/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, căn cứ cho việc bà Linh k là hợp đồng mượn tiền ngày 12/02/2023 (AL). Bị đơn ông Phạm Văn H thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần, đến ngày 12/02/2023(AL) mới làm biên nhận tổng nợ là 1.000.000.000 đồng nhưng ông cho rằng số tiền vốn chỉ hơn 900.000.000 đồng, cộng với lãi nên mới thành 1.000.000.000 đồng. Chữ ký tại biên nhận nợ là của ông và vợ ông là bà T. Mục đích ông vay tiền của bà L để cho người khác vay lại. Ông xin trả dần số tiền vốn 1.000.000.000 đồng trong hạn hai năm, còn tiền lãi ông H không đồng ý trả

vì đã trả lãi quá nhiều cho bà L. Ở giai đoạn sơ thẩm, bà T không trình bày ý kiến. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

Xét thấy, tại hợp đồng mượn tiền ngày 12/02/2023 AL có nội dung ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Kim T vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/6 tháng, hạn trả là 12/7/2023, biên nhận có ông H và bà T ký tên. Ông H thừa nhận ông và bà T có ký tên trong biên nhận nợ ngày 12/2/2023 AL, mục đích vay về để cho vày lại 4%/tháng để hưởng chênh lệch lãi. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ngày 12/2/2023 AL ông H và bà T vay của bà L số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Ông H cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng này không phải bà L cho ông và bà T vay một lần, mà bà L cho vay nhiều lần, đã trả lãi nhiều, sau đó cộng dồn lại hơn 9.000.000.000 đồng, cộng với lãi mới thành 1.000.000.000 đồng nhưng ông H không có chứng cứ để chứng minh và phía bà L cũng không thừa nhận nên lời trình bày này của ông H là không có căn cứ để chấp nhận.

Nhận thấy, sau khi làm biên nhận nợ ông H và T không trả tiền vốn và tiền lãi cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc bà Linh k yêu cầu ông H và bà T trả số tiền vốn là 1.0000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/2/2023 AL cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi bà L là có căn cứ pháp luật.

Ông H kháng cáo xin trả dần tiền vốn và xin miễn tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Kim T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng của ông Phạm Văn H.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ánh L.

Buộc ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Kim T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trương Ánh L số tiền vay vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 1.204.444.400 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn cho ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Kim T.

H1 lại chị Trương Ánh L 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0029148 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h. Gò Công Đông, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan